TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hằng.

2. Ông Phạm Quốc Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện BL, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Văn B, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp V, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An.

(*Các đương sự vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Tr trình bày:

Bà và ông Trần Văn B do mai mối rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện BL, tỉnh Long An vào ngày 12/3/2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông B đi làm về ca hát gây ảnh hưởng đến hàng xóm, láng giềng, bà Tr có

khuyên nhủ thì ông B không nghe và ông B đã về ở tại ấp V, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay bà Tr thấy bà và ông B đã bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng bà đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Năm 2022, ông B có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Bến Lức yêu cầu ly hôn với bà nhưng ông B không đến Tòa để giải quyết, bà cũng không liên hệ được với ông B. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông B, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn B.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Bị đơn ông Trần Văn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Trần Văn B vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Tr là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà Tr được ly hôn với ông Trần Văn B. Về con chung: Không có không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Phạm Thị Tr cung cấp trong vụ án là: Bản trích lục giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao căn cước công dân bà Tr; Xác nhận thông tin về nơi cư trú; Bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn B. Ông B cư trú tại Ấp V, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Tr vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại văn bản xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã Bình An xác nhận ông Trần Văn B

có hộ khẩu thường trú tại Ấp V, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông B, ông B đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Tr và ông B.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Tr, thấy rằng: Bà Tr và ông B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TB, huyện BL, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/3/2019 nên hôn nhân của bà Tr và ông B là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Tr nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B đi làm về ca hát gây ảnh hưởng đến hàng xóm, láng giềng, bà Tr có khuyên nhủ thì ông B không nghe và ông B đã bỏ về ở tại Ấp V, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An từ cuối năm 2020 cho đến nay. Giữa bà Tr và ông B đã bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng bà đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Năm 2022, ông B có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Bến Lức yêu cầu ly hôn với bà nhưng ông B không đến Tòa để giải quyết, bà cũng không liên hệ được với ông B. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông B, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn B. Về phía ông B, từ khi bà Tr nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Tr nhưng ông B cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông B không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà Tr đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Tr trình bày vợ chồng bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông B vắng mặt không có lời trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tr về việc *"Ly hôn"* với ông Trần Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Tr được ly hôn với ông Trần Văn B.

2. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Tr chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008299 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Phạm Thị Tr đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Phạm Thị Tr và ông Trần Văn B vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã TB, huyện BL, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Đức Quân

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Mạnh Quyết.

Ông Nguyễn Hồng Phong.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "*ly hôn*" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 2001.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Bà Mía, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: 179 ấp Phú Ninh, xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Bà Mía, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tr về việc *"Ly hôn"* với ông Trần Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Tr được ly hôn với ông Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Tr tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 20/12/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Tr chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002670 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Phạm Thị Tr đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Phạm Thị Tr và ông Trần Văn B vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyết **Nguyễn Hồng Phong** **Nguyễn Đức Quân**